

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2018/HNGĐ-

ST

Ngày 28 – 9 - 2018

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Trung: Bác sỹ Bệnh viện đa khoa huyện Krông Bông
2. Bà Trương Thị Lệ Chi: Phó Chủ tịch Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi huyện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Tấn Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09/7/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số 51 HXH, TDP3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Lê Văn T, sinh năm 1970 (có mặt) `

Địa chỉ: Số 51 HXH, TDP3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại Tòa án, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, nhất là thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh T thường gây khó khăn cho chị, chửi bới, xúc phạm, đay nghiến, thậm chí có lần còn đánh chị. Chị cố gắng chịu đựng hơn hai chục năm nay với mong muốn có một gia đình theo đúng nghĩa nhưng cho đến nay chị không thể chịu đựng thêm được nữa nên chị mong muốn Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để chị được giải thoát .

Về con chung: Chị và anh Lê Văn T có hai người con chung là Lê Thị Phương Gi (sinh ngày 03/02/2000) và Lê Minh C (sinh ngày 20/4/2003).

Đối với con chung là Lê Thị Phương Gi đã trưởng thành, chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với con chung là Lê Minh C, mặc dù cháu chưa trưởng thành nhưng cũng đã lớn và có nhận thức. Vì vậy, cháu C muốn ở với ai, chị cũng đều đồng ý. Trường hợp cháu C muốn ở với chị, chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị rút yêu cầu chia về tài sản chung khi ly hôn.

Chị đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của chị và anh Lê Văn T về việc phân chia tài sản chung khi ly hôn như sau:

Chị được quyền quản lý các tài sản sau:

Thửa đất số 02A, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424 775 tại TDP3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, gồm hai mảnh: Mảnh 1, phần đất giáp nhà bà T1 ông H1: phía mặt đường là 08m và phía cuối vườn là 08m tính từ phần giáp ranh nhà ông H1 bà T1, trong đó có 30m² đất ở ; Mảnh 2, phần đất giáp nhà bà T2: Phía mặt đường là 15,5m và phía cuối vườn là 15,5m tính từ giáp đất nhà bà T2, trong đó có 30m² đất ở.

Anh Lê Văn T được quyền quản lý và sử dụng các tài sản sau: Thửa đất số 02A, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424 775 tại TDP3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, bao gồm toàn bộ phần đất còn lại khi đã cắt hai bên cho chị H , trong đó có 60m² đất ở; một căn nhà gỗ và các tài sản hiện có trong nhà ; Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 298 297 ở TDP 4, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Anh Lê Văn T trình bày: Anh công nhận lời trình bày của chị Hà là đúng sự thật về việc anh và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Mặc dù, vợ chồng có cãi nhau, xô xát với nhau do bất đồng quan điểm nhưng anh không muốn ly hôn, muốn gia đình đoàn tụ, sum họp để cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, trường hợp phải ly hôn thì về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị H có hai người con chung là Lê Thị Phương Gi (sinh ngày 03/02/2000) và Lê Minh C (sinh ngày 20/4/2003). Đối với con chung là Lê Thị Phương Gi đã trưởng thành, anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn đối với con chung là Lê Minh C, mặc dù cháu chưa trưởng thành nhưng cũng đã lớn và có nhận thức. Vì vậy, cháu C muốn ở với ai, anh cũng đều đồng ý.

Trường hợp cháu C muốn ở với anh thì anh không yêu cầu chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng anh đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của anh và chị Nguyễn Thị H về việc phân chia tài sản chung khi ly hôn như sau:

Chị Nguyễn Thị H được quyền quản lý các tài sản sau:

Thửa đất số 02A, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424 775 tại TDP 3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, gồm hai mảnh: Mảnh 1, phần đất giáp nhà bà T1 ông H1: phía mặt đường là 08m và phía cuối vườn là 08m tính từ phần giáp ranh nhà ông H1 bà T1, trong đó có 30m² đất ở; Mảnh 2, phần đất giáp nhà bà T2: Phía mặt đường là 15,5m và phía cuối vườn là 15,5m tính từ giáp đất nhà bà T2, trong đó có 30m² đất ở.

Anh được quyền quản lý và sử dụng các tài sản sau: Thửa đất số 02A, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424 775 tại TDP 3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, bao gồm toàn bộ phần đất còn lại khi đã cắt hai bên cho chị H, trong đó có 60m² đất ở và một căn nhà gỗ cùng các tài sản hiện có trong nhà; Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 298 297 ở TDP4, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2018, cháu Lê Minh C trình bày: Khi cha mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với mẹ là Nguyễn Thị H.

Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk, đại diện chính quyền địa phương cho biết: anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Từ khoảng ba năm trước đến nay, vợ chồng anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H thường xuyên cãi vã và đánh nhau. Chính quyền địa phương và các đoàn

thể đã tiến hành hòa giải cho vợ chồng anh T và chị H nhiều lần, nhưng vợ chồng anh T và chị H vẫn tiếp tục xô xát với nhau. Vào năm 2017 Công an thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với anh Lê Văn T về hành vi bạo lực gia đình với số tiền là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/12/1997 tại Ủy ban nhân dân xã KNĐ, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống với nhau, anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Mặc dù, các cơ quan, đoàn thể đã nhiều lần hòa giải nhưng anh Lê Văn T và chị Nguyễn Thị H vẫn không thay đổi được môi bất hòa giữa hai người. Hôn nhân không có hạnh phúc, không có sự đồng cảm và chia sẻ lẫn nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Lê Văn T .

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T có hai người con chung là Lê Thị Phương Gi (sinh ngày 03/02/2000) và Lê Minh C (sinh ngày 20/4/2003).

Đối với con chung là Lê Thị Phương Gi đã trưởng thành, nên không đặt ra đề giải quyết.

Còn đối với con chung là Lê Minh C, cháu C muốn được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T cũng tôn trọng nguyện vọng của con là muốn ở với ai, anh chị cũng đều đồng ý. Vì vậy, cần giao con chung là Lê Minh C cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung khi vợ chồng ly hôn và đề nghị được ghi nhận trong bản án là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Sự phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

Chị Nguyễn Thị H được quyền quản lý các tài sản sau:

Thửa đất số 02A, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424 775 tại TDP3, thị trấn KK, huyện KB, Đắk Lắk, gồm hai mảnh: Mảnh 1, phần đất giáp nhà bà T1 ông H1; phía mặt đường là 08m và phía cuối vườn là 08m tính từ phần giáp ranh nhà ông H1 bà T1, trong đó có 30m² đất ở ; Mảnh 2, phần đất giáp nhà bà T2: Phía mặt đường là 15,5m và phía cuối vườn là 15,5m tính từ giáp đất nhà bà T2, trong đó có 30m² đất ở.

Anh Lê Văn T được quyền quản lý và sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 02A, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424 775 tại TDP3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, bao gồm toàn bộ phần đất còn lại khi đã cắt hai bên cho chị H , trong đó có 60m² đất ở, một căn nhà gỗ có trên diện tích đất này và các tài sản hiện có trong nhà ; Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CE 298 297 ở TDP4, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk.

*[4] Về án phí:*Chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Lê Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Giao con chung là Lê Minh C (sinh ngày 20/4/2003) cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

[3] Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Chị Nguyễn Thị H được quyền quản lý các tài sản sau:

Thửa đất số 02A, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424 775 tại TDP3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, gồm hai mảnh:

Mảnh 1, phần đất giáp nhà bà T1 ông H1: phía mặt đường là 08m và phía cuối vườn là 08m tính từ phần giáp ranh nhà ông H1 bà T1, trong đó có 30m² đất ở; Mảnh 2, phần đất giáp nhà bà T2: Phía mặt đường là 15,5m và phía cuối vườn là 15,5m tính từ giáp đất nhà bà T2. Trong đó có 30m² đất ở.

Anh Lê Văn T được quyền quản lý và sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 02A, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 424 775 tại TDP3, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, bao gồm toàn bộ phần đất còn lại khi đã cắt hai bên cho chị H, trong đó có 60m² đất ở; một căn nhà gỗ và các tài sản hiện có trong nhà; Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 10, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 298 297 ở TDP4, thị trấn KK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị H đã nộp là 6.550.000đ (sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 6.250.000đ (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0001880 ngày 05/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
THẨM

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- *Lưu HS, VT.*

Trương Thị Huế